TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/07/2022
"V/v: ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Hòa;

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Duy Tuyên

2, Ông Nguyễn Văn Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Đào Xuân Đạt– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 272/TB-TLVA ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc "ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nghiêm Thị T, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Tạ Văn S, sinh 1969;

Nơi cư trú: Thôn T xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

Có mặt: Chị T; vắng mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/03/2022, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nghiêm Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Tạ Văn S trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội vào ngày 30/12/1989. Trước khi kết hôn hai bên tự do tìm hiểu và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung cùng gia đình nhà chồng tại thôn T, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Qúa trình chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do năm 2009 anh S bị tai nạn và phải nằm điều trị tại nhà một thời gian dài. Trong quá trình chăm sóc cho anh S thì có phát sinh mâu thuẫn giữa chị và bố chồng. Giữa chị và bố chồng có cãi vã và sau đó bố chồng đuổi chị ra khỏi nhà, gia đình nhà chồng không cho chị về nhà. Từ năm 2009 chị chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở cùng thôn. Từ năm 2009 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Qúa trình sống ly thân nhiều lần chị xin về nhà để chăm sóc các con nhưng gia đình nhà chồng cấm đoán không cho chị về. Có lần chị cố tình về nhà thì bị gia đình nhà chồng đánh đuổi, sau đó chị phải bỏ ra nội thành Hà Nội xin làm giúp việc để sinh sống. Đến nay thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Sửu nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Sửu để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung là cháu Tạ Thị D, sinh ngày 12/02/1991, Tạ Thị N, sinh ngày 02/3/1993, Tạ Văn N, sinh ngày 09/02/1997 và Tạ Danh T, sinh ngày 15/01/2005. Đối với cháu D, N và N chị xác định các cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, ly hôn chị đề nghị giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng vì từ khi anh chị sống ly thân thì các con chung đều ở cùng với anh S và hiện tại chị không có nơi ở ổn định, không có công việc ổn định nên không đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị xin tự nguyện chịu cả.

* Bị đơn là anh Tạ Văn S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Qúa trình giải quyết vụ án có lời khai:

Anh kết hôn với chị Nghiêm Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/1989 tại trụ sở UBND xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Qúa trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị tại nạn và phải nằm điều trị dài ngày tại nhà, sau đó thì chị T bỏ đi khỏi nhà. Anh không hiểu lý do vì sao chị T bỏ đi mà anh nghĩ do anh ốm đau, bệnh tật, chị T không chăm sóc được cho anh nên chị Tần bỏ đi. Kể từ năm 2009 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Qúa trình sống ly thân vợ

chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau, chị T không về nhà lần nào chỉ thỉnh thoảng gọi điện thăm hỏi. Anh cũng đã từng nói chuyện với chị T và mong muốn chị T quay lại đoàn tụ nhưng không được. Đến nay anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị Tần nên chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S xác nhận vợ chồng có 04 con chung là Tạ Thị D, sinh ngày 12/02/1991, Tạ Thị N, sinh ngày 02/3/1993, Tạ Văn N, sinh ngày 09/02/1997 và Tạ Danh T, sinh ngày 15/01/2005. Đối với cháu D, Nh và N anh xác định các cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, nếu ly hôn anh đề nghị giao cháu T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng vì từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay các con đều do anh nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tương đối chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử;

Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nghiêm Thị T, cho chị Nghiêm Thị T được ly hôn với anh Tạ Văn S.

Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị T và anh S, giao cháu Tạ Danh T, sinh ngày 15/01/2005 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T anh S đều xác nhận đối với cháu Tạ Thị D, sinh ngày 12/02/1991, Tạ Thị N, sinh ngày 02/3/1993, Tạ Văn N, sinh ngày 09/02/1997 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nghiêm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nghiêm Thị T và anh Tạ Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, chị T làm đơn xin ly hôn và nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Anh Tạ Văn S có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 27/7/2022, Tòa án đã mở phiên tòa và tống đạt hợp lệ quyết định xét xử vụ án cho anh S, anh Sửu có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Ngày 30/12/1989, Chị Nghiêm Thị T và anh Tạ Văn S đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân kể từ năm 2009 cho đến nay, kể từ khi ly thân anh chị không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S vì chị nhận thấy không còn tình cảm với anh S, thời gian sống ly thân đã lâu; anh S không đồng ý ly hôn nhưng anh S cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm, bảo vệ cuộc hôn nhân, hơn nữa qua xác minh tại địa phương nơi chị T và anh S sinh sống cũng xác nhận anh chị đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, anh chị đã ly thân nhau từ năm 2009 cho đến nay. Như vậy nhận thấy thời gian sống ly thân của anh chị đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự giao cháu Tạ Danh T, sinh ngày 15/01/2005 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T anh S đều xác nhận đối với cháu Tạ Thị D, sinh ngày 12/02/1991, Tạ Thị N, sinh ngày 02/3/1993, Tạ Văn N, sinh ngày 09/02/1997 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nghiêm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 28, Điều 146, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nghiêm Thị T.

Cho chị Nghiêm Thị T được ly hôn với anh Tạ Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Danh Th, sinh ngày 15/01/2005 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh S đều xác nhận đối với cháu Tạ Thị D, sinh ngày 12/02/1991, Tạ Thị Nh, sinh ngày 02/3/1993, Tạ Văn N, sinh ngày 09/02/1997 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nghiêm Thị T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo biên lai số 0004940 ngày 05/05/2022.

Chị Nghiêm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tạ Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chị cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN NGỌC HÒA